

Số: 676/BC-ĐHKTCN

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 8 năm 2020

BÁO CÁO

Kết quả lấy ý kiến sinh viên cuối khóa về khóa học, năm học 2019 – 2020

Thực hiện Kế hoạch về công tác ĐBCLGD năm học 2019-2020 của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp;

Căn cứ Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của người học trước khi tốt nghiệp về khóa học.

I. Mục đích khảo sát

Mục đích của việc lấy ý kiến phản hồi của người học nhằm thu thập thông tin đánh giá khách quan và mức độ hài lòng của người học sau khi đã hoàn thành khóa học, giúp Ban Giám hiệu, các Khoa, Trung tâm và các Phòng chức năng nắm bắt tình hình đào tạo cũng như các dịch vụ hỗ trợ khác. Trên cơ sở đó, Nhà trường sẽ đưa ra các giải pháp phù hợp để từng bước nâng cao chất lượng đào tạo cũng như đáp ứng tốt hơn nhu cầu người học.

II. Tổ chức thực hiện

1. Đối tượng khảo sát

Đối tượng khảo sát: sinh viên cuối khóa đã hoàn thành chương trình đào tạo của trường năm học 2019-2020.

2. Trách nhiệm thực hiện

Theo chỉ đạo của Hiệu trưởng trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, Phòng KT&ĐBCLGD chuẩn bị và vận hành hệ thống khảo sát online để lấy ý kiến phản hồi của sinh viên tốt nghiệp; tổ chức, kiểm tra công tác khảo sát trực tuyến; tổng hợp kết quả công tác khảo sát báo cáo Ban Giám hiệu xem xét, chỉ đạo.

3. Thời gian khảo sát

Các đợt khảo sát từ ngày 01/9/2019 đến hết ngày 20/6/2020.

4. Phương pháp khảo sát

- Phòng KT& ĐBCLGD triển khai lấy ý kiến phản hồi bằng phiếu khảo sát trực tuyến trên Google Forms, theo địa chỉ: <https://docs.google.com/forms/d/18N9jaqInhv-LtvVe8FjV1vMArRpNxwj6ajgqNPMPDg/edit#responses>

5. Công cụ khảo sát

Công cụ được sử dụng trong quá trình khảo sát là Bảng hỏi có cấu trúc và nội dung như sau:

a) Cấu trúc bảng hỏi:

Cấu trúc bảng hỏi bao gồm 34 tiêu chí tương ứng với 33 câu hỏi định lượng và 01 câu hỏi mở (Phụ lục).

b) Nội dung hỏi

Nội dung bảng hỏi được chia thành 2 phần như sau:

Phần 1: Thông tin chung;

Phần 2: Nội dung khảo sát:

- Nhóm 1: Chương trình đào tạo (05 câu hỏi);
- Nhóm 2: Đánh giá người học (05 câu hỏi);
- Nhóm 3: Cơ sở vật chất, trang thiết bị (09 câu hỏi);
- Nhóm 4: Hỗ trợ sinh viên (07 câu hỏi);
- Nhóm 5: Hoạt động ngoại khóa (06 câu hỏi);
- Nhóm 6: Đáp ứng khóa học (01 câu hỏi).
- Nhóm 7: Câu hỏi mở (01 câu hỏi mở)

c) Thang đo

Thang đo được thiết kế theo Thang đo Likert 5 điểm, thể hiện trong bảng 1 như sau:

Bảng 1: Thang đo 5 điểm

Rất không hài lòng	Không hài lòng	Bình thường	Hài lòng	Rất hài lòng
1	2	3	4	5

III. Kết quả thống kê ý kiến phản hồi của người học

Dữ liệu khảo sát được thu thập trực tiếp từ phần mềm khảo sát Google Forms và được xử lý bằng Excel. Kết quả thống kê và xử lý dữ liệu cụ thể như sau:

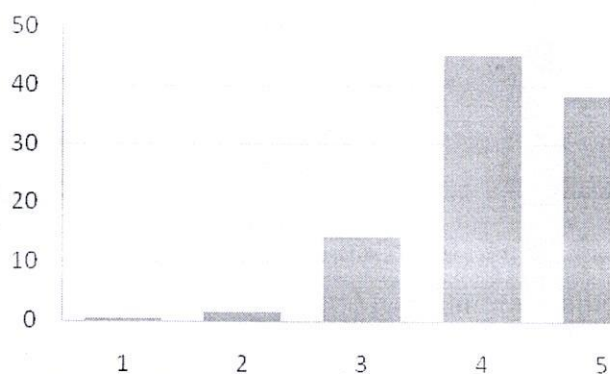
- Tổng số sinh viên tốt nghiệp năm 2019-2020:
- Tổng số phiếu trả lời khảo sát: 710 phiếu.
- Tổng số phiếu giá trị: 569 phiếu, đạt 80.14%.

Kết quả khảo sát theo nội dung chi tiết (phụ lục), một số kết quả đáng chú ý như sau:

1. Nội dung về chương trình đào tạo

Nội dung này bao gồm các tiêu chí về nội dung học tập, thực tập, thực hành, thí nghiệm đáp ứng tốt nhu cầu của người học; sự rõ ràng của mục tiêu chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra phù hợp với năng lực người học giúp người học đáp ứng tốt kiến thức, kỹ năng sau khi hoàn thành khóa học và mức độ sẵn sàng tiếp nhận công việc sau khi tốt nghiệp.

Kết quả thống kê (hình 1) cho thấy, mức độ hài lòng của người về nội dung này rất cao, có tới 83.74 % sinh viên **hài lòng** và **rất hài lòng**, chỉ có 1.96 % sinh viên **rất không hài lòng** và **không hài lòng** về nội dung này.



Hình 1. Tỷ lệ đánh giá về chương trình đào tạo
1. Rất không hài lòng; 2. Không hài lòng;
3. Bình thường; 4. Hài lòng; 5. Rất hài lòng

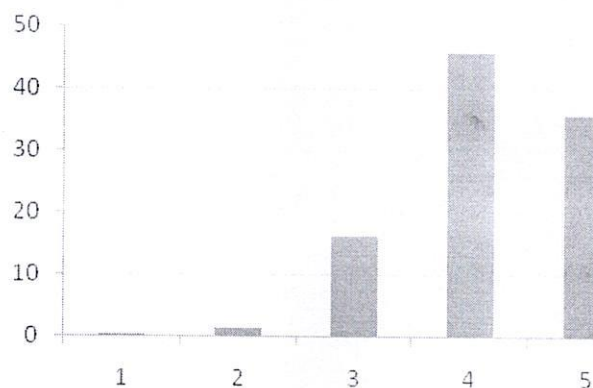
Trong đó đang chú ý một số tiêu chí quan trọng như sau:

- Nội dung học tập đáp ứng được nhu cầu của người học: 1.5 % không hài lòng; 0.7 % rất không hài lòng;
- Nội dung thực tập, thực hành, thí nghiệm đáp ứng tốt kỹ năng: 2.5 % không hài lòng; 0.7 % rất không hài lòng;
- Mục tiêu chương trình đào tạo: 0.3 % không hài lòng; 0.3 % rất không hài lòng;
- Chuẩn đầu ra phù hợp với năng lực của người học: 0.7% không hài lòng; 0.4% rất không hài lòng;
- Khối lượng học tập phần cơ bản, cơ sở ngành và chuyên ngành cân đối: 2.5% không hài lòng; 0.2 % rất không hài lòng;

2. Nội dung đánh giá người học

Kết quả khảo sát về việc đánh giá người học cho thấy đến 82% người học **hài lòng** và **rất hài lòng** về độ chính xác, khách quan cũng như nội dung đánh giá phù hợp và đa dạng, tin cậy của phương pháp đánh giá. Trung bình nội dung này chỉ có 1.34 % sinh

viên **không hài lòng** và 0.36 % sinh viên **rất không hài lòng**. Có đến 2.4% sinh viên có khiếu nại về việc đánh giá chưa được phản hồi thỏa đáng (hình 2).



Hình 2. Tỷ lệ đánh giá về đánh giá người học
1. Rất không hài lòng; 2. Không hài lòng;
3. Bình thường; 4. Hài lòng; 5. Rất hài lòng

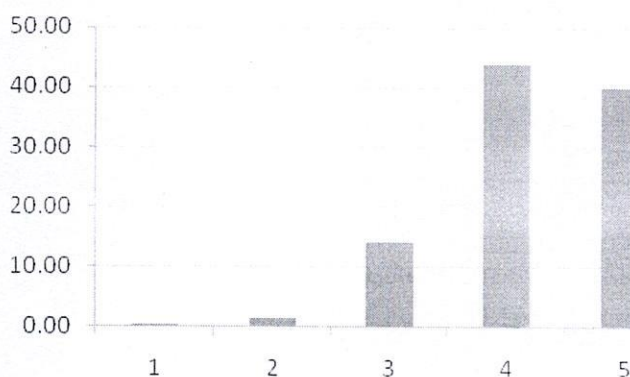
3. Nội dung về cơ sở vật chất, trang thiết bị

Các ý kiến của sinh viên về cơ sở vật chất của Nhà trường đạt tỉ lệ 83.9 % (hình 3) ý kiến ở mức độ **hài lòng** và **rất hài lòng**.

Trong đó:

- Điều kiện sinh hoạt, các dịch vụ của ký túc xá đạt 83%;
- Hệ thống thông tin đáp ứng nhu cầu của người học đạt 81.1%;
- Tài liệu, cơ sở vật chất phục vụ học tập và nghiên cứu từ thư viện đạt 84.7%
- Cảnh quan, môi trường của Nhà trường đạt 84.1 %.

Tuy nhiên, mức độ **không hài lòng** và **rất không hài lòng** của sinh viên về trang thiết bị học tập tại các phòng thí nghiệm thực hành và xưởng thực tập vẫn còn 2.8%.



Hình 3. Tỷ lệ đánh giá về cơ sở vật chất, trang thiết bị
1. Rất không hài lòng; 2. Không hài lòng;
3. Bình thường; 4. Hài lòng; 5. Rất hài lòng

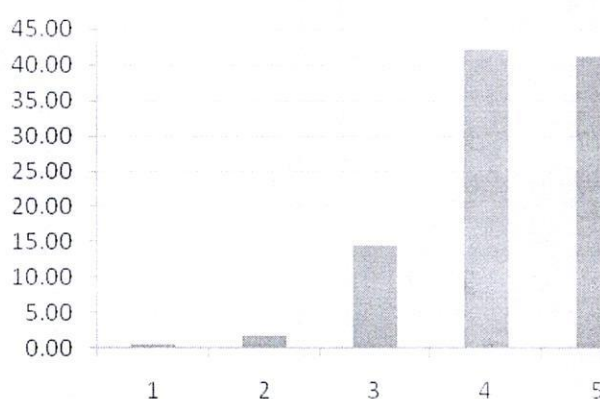
4. Nội dung về hỗ trợ sinh viên

Các hoạt động hỗ trợ sinh viên được đánh giá qua các tiêu chí về: đăng ký học phần trực tuyến; nhân viên thư viện, văn phòng khoa; chủ nhiệm lớp, cố vấn học tập; hướng dẫn thí nghiệm, thực hành và tư vấn việc làm cho người học trước khi tốt nghiệp.

Tỉ lệ **hài lòng** và **rất hài lòng** của sinh viên về nội dung này đạt 83.3 %. Trong đó:

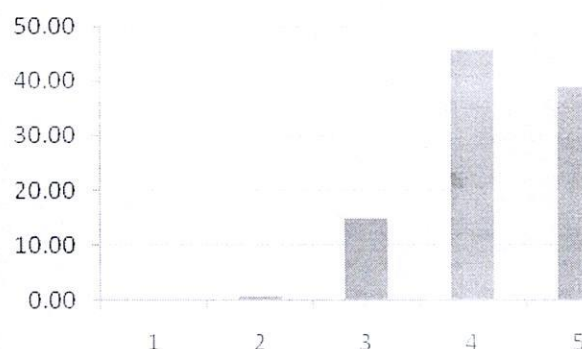
- Hỗ trợ người học của chủ nhiệm lớp và cố vấn học tập được đánh giá hài lòng và rất hài lòng của sinh viên, đạt 90.8%.

- Hỗ trợ người học đăng ký các học phần trực tuyến có 75.7% người học hài lòng và rất hài lòng và đến 5.7% người học chưa hài lòng.



Hình 4. Tỉ lệ đánh giá về hỗ trợ sinh viên
1. Rất không hài lòng; 2. Không hài lòng;
3. Bình thường; 4. Hài lòng; 5. Rất hài lòng

5. Nội dung về hoạt động ngoại khóa



Hình 5. Tỉ lệ đánh giá về hoạt động ngoại khóa
1. Rất không hài lòng; 2. Không hài lòng;
3. Bình thường; 4. Hài lòng; 5. Rất hài lòng

Các hoạt động của Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, Nhà trường có tác dụng tốt, đáp ứng nhu cầu văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao cũng như góp phần hỗ trợ và phát

triển đời sống, tinh thần của người học; bên cạnh đó việc hoạt động nghiên cứu khoa học và các câu lạc bộ Tiếng Anh và học thuật có tỉ lệ phần trăm ý kiến của sinh viên là 84.4 % đánh giá là hài lòng và rất hài lòng (hình 5).

6. Nội dung về đáp ứng khóa học

Thông kê kết quả khảo sát về mức độ đáp ứng khóa học thì trong tổng số 569 (100%) phiếu trả lời về kiến thức, kỹ năng còn THIẾU so với nhu cầu của người học (chi tiết phần phụ lục). Tóm tắt một số chỉ số quan trọng như sau:

a) Về kiến thức:

- Kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành học không đáp ứng: 30.8%;

b) Về kỹ năng

- Kỹ năng thực hành nghề nghiệp và thực tế không đáp ứng: 48.8%;

- Khả năng lập luận tư duy, phản biện và giải quyết vấn đề: 20.4%;

- Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình và viết báo cáo: 42.9%;

- Tự tin sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp và chuyên môn: 67.4%;

- Sử dụng tin học thành thạo trong công việc: 35.4%.

7. Ý kiến khác

Các ý kiến góp ý nhằm để nâng cao chất lượng giảng dạy và phát triển Nhà trường thu thập được 539 ý kiến, trong đó tập trung vào một số nội dung cụ thể như sau:

- 220 ý kiến của người học mong muốn Nhà trường trang bị thêm trang thiết bị thực hành, thí nghiệm; tăng thời lượng thực hành, thí nghiệm; tăng cường thực tế tại các đơn vị ngoài trường giúp người học tự tin khi tốt nghiệp;

- 35 ý kiến đóng góp về nâng cao chất lượng giảng dạy tiếng Anh, tăng cường các hoạt động nâng cao kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh...

- 26 ý kiến đóng góp về việc trang bị thêm kiến thức tin học cho người học trước khi tốt nghiệp

IV. Nhận xét và khuyến nghị

1. Nhận xét

Ưu điểm:

- Triển khai công tác lấy ý kiến khảo sát tới toàn bộ sinh viên tốt nghiệp năm học 2019-2020 đảm bảo khách quan, trung thực.
- Trách nhiệm của người học trong việc trả lời khảo sát được cải thiện so với các năm học trước, đặc biệt là có 539 trả lời câu hỏi mở về thực trạng của nhà trường và nêu các giải pháp cải thiện.

Tồn tại

- Tỷ lệ khảo sát của người học trước khi tốt nghiệp còn thấp.

2. Khuyến nghị

- Kết quả lấy ý kiến phản hồi từ người học về các hoạt động đào tạo và môi trường giáo dục của Nhà trường (đánh giá khóa học), năm học 2019-2020 được sử dụng để tham khảo cho công tác quản lý cấp Trường, Khoa và Bộ môn; các dữ liệu được lưu trữ và tiếp tục cập nhật để báo cáo các cấp quản lý theo yêu cầu và để sử dụng trong công tác đảm bảo chất lượng cấp trường, cấp chương trình đào tạo.

- Các Khoa, Bộ môn chuyên môn phân tích kết quả khảo sát các nội dung, tiêu chí (do Phòng KT&ĐBCLGD cung cấp) và xây dựng báo cáo về Chương trình đào tạo về Khung chương trình, các kiến thức, kỹ năng trong chương trình và các hoạt động giảng dạy, hình thức, cách thức kiểm tra, đánh giá. Kết quả phân tích góp phần làm luận cứ cho việc rà soát điều chỉnh chương trình đào tạo và minh chứng được lưu trữ tại Khoa.

- Các Khoa, Trung tâm rà soát, đề xuất bổ sung (nếu cần) các Phòng thí nghiệm, thực hành do đơn vị mình quản lý, đồng thời rà soát thời lượng, số bài thí nghiệm thực hành, nội dung và phương pháp hướng dẫn nhằm nâng cao năng lực thực hành cho sinh viên. Xem xét, bổ sung vào Chương trình đào tạo các học phần tham quan kỹ thuật và thực tập, thực tế tại các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất... phù hợp với Chương trình đào tạo của đơn vị.

- Bộ môn Ngoại ngữ đề xuất các giải pháp cho Nhà trường nhằm nâng cao năng lực tiếng Anh cho người học, đặc biệt là kỹ năng giao tiếp.

- Phòng KT&ĐBCLGD lập kế hoạch và tiếp tục triển khai công tác lấy ý kiến phản hồi của sinh viên trước khi tốt nghiệp về người học về các hoạt động đào tạo và môi trường giáo dục của Nhà trường trong các năm tiếp theo để cung cấp thêm các thông tin phản hồi từ người học để kịp thời điều chỉnh các hoạt động nhằm từng bước cải thiện chất lượng đào tạo và đáp ứng nhu cầu của người học được tốt hơn.

- Các Đơn vị đào tạo, Trung tâm, các Phòng chức năng tiếp thu các ý kiến đóng góp của người học, xây dựng các kế hoạch hoạt động để từng bước cải thiện chất lượng giáo dục, đào tạo.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Các đơn vị liên quan;
- Phòng KT&ĐBCLGD;
- Lưu VT.



PGS. TS. Nguyễn Văn Tuấn



PHỤ LỤC

Thang đo 5 điểm: 1-Rất không hài lòng; 2- Không hài lòng; 3-Bình thường; 4- Hài lòng; 5-Rất hài lòng

I. Chương trình đào tạo											
	Tiêu chí đánh giá	Số lượng SV đánh giá					Tỉ lệ sinh viên đánh giá (%)				
		1	2	3	4	5	1	2	3	4	5
1	Nội dung học tập đáp ứng được nhu cầu của người học	5	11	106	319	270	0.7	1.5	14.9	44.9	38
2	Nội dung thực tập, thực hành, thí nghiệm đáp ứng tốt kỹ năng	5	18	101	297	290	0.7	2.5	14.2	41.8	40.8
3	Mục tiêu chương trình đào tạo rõ ràng	2	2	78	329	299	0.3	0.3	11	46.3	42.1
4	Chuẩn đầu ra phù hợp với năng lực của người học	3	5	105	342	255	0.4	0.7	14.8	48.2	35.9
5	Khối lượng học tập phần cơ bản, cơ sở ngành và chuyên ngành cân đối	1	18	118	324	249	0.2	2.5	16.6	45.6	35.1
Tổng							0.46	1.5	14.3	45.36	38.38
II. Đánh giá người học											
6	Phương pháp đánh giá đa dạng, tin cậy	0	3	105	333	269	0	0.4	14.8	46.9	37.9
7	Nội dung đánh giá phù hợp với chuẩn đầu ra học phần	0	5	100	363	242	0	0.7	14.1	51.1	34.1
8	Kết quả đánh giá chính xác, khách quan và công bằng	0	9	95	328	278	0	1.2	13.4	46.2	39.2
9	Quy trình khiếu nại kết quả đánh giá thuận lợi	8	14	144	306	238	1.1	2	20.3	43.1	33.5
10	Kết quả khiếu nại được phản hồi thỏa đáng	5	17	135	304	249	0.7	2.4	19	42.8	35.1
Tổng							0.36	1.34	16.32	46.02	35.96
III. Cơ sở vật chất, trang thiết bị											
11	Trang thiết bị tại giảng đường đáp ứng tốt nhu cầu học tập của người học	4	8	109	329	260	0.6	1.1	15.4	46.3	36.6
12	Trang thiết bị thí nghiệm, thực hành đầy đủ đáp ứng	2	18	112	326	252	0.3	2.5	15.8	45.9	35.5

[illegible]

Tổng

IV. Hỗ trợ sinh viên

20	Hỗ trợ đăng ký các học phần trực tuyến	6	34	132	290	248	0.9	4.8	18.6	40.8	34.9
21	Hỗ trợ người học của nhân viên thư viện	2	13	161	275	259	0.3	1.8	22.7	38.7	36.5
22	Hỗ trợ người học của nhân viên văn phòng khoa	4	5	87	311	303	0.5	0.7	12.3	43.8	42.7
23	Hỗ trợ người học của chủ nhiệm lớp, cố vấn học tập	0	7	58	273	371	0	1	8.2	38.5	52.3
24	Hướng dẫn thí nghiệm, thực hành tại phòng thí nghiệm, thực hành	1	5	75	336	293	0.1	0.7	10.6	47.3	41.3
25	Hướng dẫn thực hành tại xưởng thực tập	1	7	80	322	299	0.2	1	11.3	45.4	42.1
26	Tư vấn việc làm trước khi tốt nghiệp	10	19	121	286	274	1.4	2.7	17	40.3	38.6

Tổng

V. Hoạt động hỗ trợ ngoại khóa

27	Các hoạt động ĐTN có tác dụng tốt, thiết thực với SV	0	6	109	324	271	0	0.8	15.4	45.6	38.2
28	Các phong trào do Hội sinh viên tổ chức hỗ trợ và	1	2	121	334	253	0.1	0.3	17	47	35.6

	phát triển đời sống, tinh thần tốt										
29	Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên	1	6	110	335	258	0.2	0.8	15.5	47.2	36.3
30	Hoạt động của các Câu lạc bộ Tiếng Anh và học thuật	4	8	128	324	247	0.5	1.1	18	45.6	34.8
31	Nhà trường đáp ứng tốt nhu cầu văn hóa, văn nghệ của SV	1	4	84	318	303	0.1	0.6	11.8	44.8	42.7
32	Nhà trường đáp ứng tốt nhu cầu thể dục, thể thao của SV	1	4	76	308	321	0.1	0.6	10.7	43.4	45.2
Tổng						0.17	0.70	14.73	45.60	38.80	

VI. Đáp ứng khóa học

33. Bạn cảm thấy THIẾU kiến thức, kỹ năng nào sau đây?

STT	Nội dung	Số lượt trả lời	Tỉ lệ không đáp ứng (%)	Tỉ lệ đáp ứng (%)
33.1	Kiến thức			
	Kiến thức nền tảng toán học và khoa học tự nhiên	43	6.2	93.8
	Kiến thức cơ sở ngành	90	12.9	87.1
	Kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành học	215	30.8	69.2
33.2	Kỹ năng			
	Kỹ năng thực hành nghề nghiệp	340	48.8	51.2
	Năng lực tự học tập, tự nghiên cứu đề nâng cao chuyên môn	82	11.8	88.2
	Khả năng lập luận tư duy, phản biện và giải quyết vấn đề	142	20.4	79.6
	Năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp	130	18.7	81.3
	Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình và viết báo cáo	299	42.9	57.1
	Kỹ năng làm việc theo nhóm	150	21.5	78.5
	Tự tin sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp và chuyên môn	470	67.4	32.6
Sử dụng tin học thành thạo trong công việc		247	35.4	64.6
Tổng số sinh viên tham gia trả lời			697	

VII. Ý kiến khác